

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1642/2026/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 7 - 2026

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Gái

2. Ông Ngô Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 449/2026/HNST ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4638/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6079/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Hải H, sinh năm 1989;

Căn cước công dân số: ***;

Địa chỉ: số X Đường số X, khu nhà ở X, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

Bị đơn: Bà Phạm Thị Bích P, sinh năm 1988;

Căn cước công dân số: ***;

Địa chỉ: số X Đường số X, khu nhà ở X, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 02 năm 2026 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Trần Ngọc Hải H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc Hải H và bà Phạm Thị Bích P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn ngày 05/02/2015, được cấp Giấy chứng

nhận kết hôn số 17, Quyền số 01/2015. Sau khi kết hôn, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm, gần gũi, mỗi người có cuộc sống riêng. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị Bích P.

Về con chung: Ông Trần Ngọc Hải H và bà Phạm Thị Bích P có 02 (hai) con chung là cháu Trần Quang B, sinh ngày 07/02/2016 và cháu Trần Hồng A, sinh ngày 11/12/2017. Ông H yêu cầu giao cả hai con chung cho bà Phạm Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 6.000.000 đồng/tháng cho mỗi con, thực hiện vào ngày 05 hàng tháng, cho đến khi mỗi con thành niên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Bích P trình bày (theo Bản tự khai ngày 09/4/2026): Bà P thống nhất với nội dung Đơn khởi kiện của ông H về việc bà trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Quang B và cháu Trần Hồng A nhưng đơn khởi kiện của ông H không nhắc đến tài sản chung là căn nhà số X, X, Đồng Nai; hiện bà đang trực tiếp nuôi 02 con và ở tại nhà chồng địa chỉ số X, Đường số X, khu nhà ở X, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P có nêu nguyện vọng cần thời gian từ 02 đến 03 tháng để tìm chỗ ở cho các con và ổn định về tâm lý chuyển trường cho các con. Bà thống nhất ly hôn nếu các nguyện vọng vừa nêu của bà được giải quyết như mong muốn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Trần Ngọc Hải H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Phạm Thị Bích P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Trần Ngọc Hải H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Bích P. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Phạm Thị Bích P cư trú tại địa chỉ số X, Đường số X, khu nhà ở X, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (đã được xác minh theo kết quả xác minh cư trú của Công an phường X). Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17, Quyền số 01/2015, ông Trần Ngọc Hải H và bà Phạm Thị Bích P đăng ký kết hôn ngày 05/02/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc kết hôn là tự nguyện, hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về tố tụng và việc xét xử vắng mặt các đương sự:*

Nguyên đơn ông Trần Ngọc Hải H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Phạm Thị Bích P đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:* Xét thấy, theo lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ: ông H và bà P kết hôn tự nguyện năm 2015; Trong quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống; Đã ly thân từ năm 2021 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng. Bị đơn là bà P tại Bản tự khai ngày 09/4/2026 không phản đối việc ly hôn và thống nhất về việc trực tiếp nuôi con theo đề nghị của ông H. Theo kết quả trả lời xác minh số 1334/UBND-HCC ngày 01/6/2016 của Ủy ban nhân dân phường X cung cấp thông tin không ghi nhận được thông tin liên quan đến trường hợp ly hôn của ông H, bà P. Bà P có bản tự khai không nêu nguyện vọng muốn đoàn tụ hôn nhân, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải để Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải mối quan hệ hôn nhân cho các bên và bà P cũng không tham gia phiên tòa sơ thẩm khi được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Ngọc Hải H và bà Phạm Thị Bích P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiến hành hòa giải để các bên có thể đoàn tụ. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông H là có căn cứ, phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về con chung:* Ông H và bà P có 02 con chung là cháu Trần Quang B, sinh ngày 07/02/2016 và cháu Trần Hồng A, sinh ngày 11/12/2017. Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trường hợp ly hôn thì giao cả 02 con chung cho bà Phạm Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét sự

thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với lợi ích của các con (hiện bà P đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu), Hội đồng xét xử ghi nhận, phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Ông Trần Ngọc Hải H là người không trực tiếp nuôi con, tự nguyện đưa ra mức cấp dưỡng nuôi con chung với mức 6.000.000 đồng/tháng cho mỗi con, thực hiện vào ngày 05 hàng tháng, cho đến khi con thành niên. Đây là sự tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp Điều 82, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà P cũng thống nhất với đề nghị của ông H nên Hội đồng xét xử có cơ sở để ghi nhận mức cấp dưỡng nêu trên.

[6] Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Tại Bản tự khai ngày 09/4/2026, bị đơn bà Phạm Thị Bích P có nêu nguyện vọng liên quan đến tài sản chung là căn nhà tại X, Đồng Nai. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà P không nộp đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn về việc chia tài sản chung. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét việc chia tài sản chung trong vụ án này; khi có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử xét thấy các ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án nên có căn cứ để chấp nhận.

[8] Về án phí: Ông Trần Ngọc Hải H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không phụ thuộc việc được chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông H phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014518 ngày 09/3/2026. Ông H còn phải nộp thêm số tiền án phí giải quyết cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 72, khoản 4 Điều 147, Điều 200, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc Hải H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc Hải H được ly hôn với bà Phạm Thị Bích P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17, Quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/02/2015 cho ông Trần Ngọc Hải H và bà Phạm Thị Bích P không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Quang B, sinh ngày 07/02/2016 và cháu Trần Hồng A, sinh ngày 11/12/2017 cho bà Phạm Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Trần Ngọc Hải H thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung với mức 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/tháng cho mỗi con, thực hiện vào ngày 05 hàng tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con thành niên.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp ông Trần Ngọc Hải H không tự nguyện thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì người được thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ cấp dưỡng chưa thực hiện xong nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Ngọc Hải H và bà Phạm Thị Bích P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp các bên đương sự có tranh chấp thì được quyền khởi kiện trong vụ án khác.

2. Về án phí:

Ông Trần Ngọc Hải H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014518 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Ngọc Hải H còn phải nộp thêm số tiền án phí giải quyết cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Trần Ngọc Hải H và bị đơn bà Phạm Thị Bích P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 2 - TP.HCM;
- THADS TPHCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Phạm Minh Vương